

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1100/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Tuy An đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt, quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội; số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 122/2008/QĐ-TTg ngày 29/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020;

Trên cơ sở các văn bản của UBND tỉnh Phú Yên: Thông báo số 151/TB-UBND ngày 20/3/2012 của UBND tỉnh Phú Yên về việc đồng ý chủ trương tiếp tục hoàn chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tuy An đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tuy An đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 74/BC-SKHĐT ngày 02/7/2014, kèm Biên bản họp của Hội đồng thẩm định dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tuy An đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và đề nghị của UBND huyện Tuy An (tại Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 30/5/2014),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tuy An đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển kinh tế - xã hội huyện Tuy An phải đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, vùng biển và ven biển Phú Yên, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

2. Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế và nguồn lực bên trong kết hợp với tăng cường thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững. Tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế biển.

3. Chủ động huy động các nguồn lực để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại. Quan tâm đầu tư xây dựng các công trình văn hóa xã hội, phúc lợi công cộng để nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư.

4. Thực hiện phát triển bền vững, gắn tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường đảm bảo quốc phòng, an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc, chủ động phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả, làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, ổn định và phát triển.

6. Tăng cường công tác cải cách hành chính. Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; coi trọng công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tin tưởng và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước.

7. Tăng cường quan hệ hợp tác, liên kết phát triển với các địa phương trong và ngoài tỉnh nhằm tận dụng tốt mọi cơ hội, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tối đa tiềm năng lợi thế của huyện, chú trọng phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế để đưa kinh tế huyện Tuy An phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, sớm đưa huyện trở thành huyện giàu về kinh tế, vững về chính trị, đẹp về văn hóa - xã hội, mạnh về quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 12-12,5%/năm và giai đoạn 2016-2020 đạt 16 - 16,5%/năm (giá cố định năm 2010).

- Giá trị gia tăng bình quân đầu người năm 2015 đạt khoảng 32 triệu đồng và năm 2020 đạt khoảng 73,5 triệu đồng.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập trung khai thác các lợi thế so sánh của huyện. Đến năm 2015: nông lâm ngư nghiệp chiếm 23,5%, công nghiệp - xây dựng chiếm 37,5% và dịch vụ chiếm 39%; đến năm 2020: nông lâm ngư nghiệp chiếm 16,5%, công nghiệp - xây dựng chiếm 38% và dịch vụ chiếm 45,5%;

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 13,2%/năm. Đến năm 2020 đạt 90 tỷ đồng.

b) Về văn hóa - xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2020 dưới 1%/năm. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy sinh dưỡng năm 2015 giảm còn 12%, năm 2020 còn 8%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015: 40%, năm 2020: 70%. Giải quyết việc làm bình quân mỗi năm 4.000 - 4.200 người. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm từ 2 - 2,5%/năm.

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới năm 2015: 25%; năm 2020: 60%.

- Tỷ lệ dân cư đóng bảo hiểm y tế năm 2015: 70%; năm 2020: 80%. Tỷ lệ lao động tham gia BHXH/tổng số lao động đang làm việc năm 2015 đạt 25%, năm 2020 đạt 45%.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh năm 2015 đạt 90%; năm 2020 cơ bản đạt 100%. Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh năm 2015 đạt trên 95%; năm 2020 đạt 100%.

- Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đô thị năm 2015 đạt 90%; năm 2020 đạt trên 98%.

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 đạt trên 25%; năm 2020 đạt trên 35%.

III. LỰA CHỌN NHỮNG LĨNH VỰC TRỌNG ĐIỂM ĐỂ TẠO ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2020

Một là: Chủ động huy động các nguồn vốn để đầu tư kết cấu hạ tầng; phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng một số công trình quan trọng, có quy mô lớn làm nền tảng phát triển kinh tế xã hội và thu hút đầu tư: Hệ thống giao thông; các công trình thủy lợi, các tuyến kè biển; kết cấu hạ tầng đô thị; các cụm công nghiệp, bến xe... Đầu tư xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Hai là: Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, nâng cao hiệu quả khai thác và nuôi trồng thủy sản. Khai thác hiệu quả tài nguyên danh lam, thắng cảnh, các di tích lịch sử - văn hóa để phát du lịch. Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi các thành phần kinh tế đầu tư hoàn thành và đưa vào hoạt động khu du lịch Bãi Xếp - Hòn

Chùa; tăng cường xúc tiến kêu gọi đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái rừng dương Thành Lâu; khu du lịch liên hợp cao cấp Phước Đồng-Lao Mái Nhà; khu du lịch cao cấp gành Đá Đĩa; khu du lịch Đầm Ô Loan...

Ba là: Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công chức, viên chức. Coi trọng công tác quy hoạch và sử dụng cán bộ các cấp. Tăng cường đào tạo nghề và tạo việc làm ổn định cho người lao động; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động sang phi nông nghiệp.

Bốn là: Tăng cường cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư. Tạo sự chuyển biến toàn diện, sâu sắc về cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Nông, lâm, thủy sản và xây dựng nông thôn mới

Phát triển ngành nông, lâm, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Tiếp tục đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, hỗ trợ nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2020: 8,4%/năm, trong đó: giai đoạn 2011-2015: 8%/năm; giai đoạn 2016-2020: 8,8%/năm.

a) Thủy sản:

Phát triển toàn diện về khai thác, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao hiệu quả, chất lượng sản phẩm đáp ứng tốt nhu cầu thị trường; đưa ngành thủy sản từng bước trở thành ngành kinh tế quan trọng, mũi nhọn của huyện. Tổng sản lượng thủy sản đến năm 2020 đạt 18 nghìn tấn (trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 20-25% tổng sản lượng).

- Khai thác thủy sản: Tổ chức sắp xếp lại ngành nghề khai thác phù hợp với ngư trường, nguồn lợi thủy sản; mở rộng đánh bắt xa bờ kết hợp bám biển, đảm bảo giữ vững chủ quyền, an ninh trên biển. Bố trí lại cơ cấu tàu thuyền hợp lý; khuyến khích và hỗ trợ ngư dân đầu tư nâng cấp và đóng mới các tàu có công suất lớn, trang bị các phương tiện thiết bị hiện đại đảm bảo hoạt động đánh bắt xa bờ. Tăng cường công tác khuyến ngư, hỗ trợ ngư dân tìm kiếm thị trường tiêu thụ thủy sản; xây dựng hệ thống thông tin liên lạc thông suốt phục vụ cứu hộ, cứu nạn cho ngư dân. Đẩy mạnh chuyển đổi nghề nghiệp cho lực lượng lao động ven biển.

- Nuôi trồng thủy sản: Duy trì ổn định diện tích nuôi trồng bình quân 580-600 ha/năm; khuyến khích phát triển các hình thức nuôi lồng bè tập trung trên biển kết hợp phòng ngừa dịch bệnh. Quy hoạch ổn định các vùng nuôi tập trung tại đầm

Ô Loan, hạ lưu sông Bình Bá gắn với việc đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng phù hợp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Chế biến thủy sản: Khuyến khích và tạo điều kiện để các cơ sở chế biến thủy sản trên địa bàn đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, tạo ra những sản phẩm có giá trị đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

- Cơ sở hạ tầng dịch vụ nghề cá: Huy động các nguồn vốn để đầu tư phát triển các cơ sở hậu cần dịch vụ nghề cá; tổ chức tốt khâu dịch vụ nghề cá trên biển và trên bờ; đầu tư hoàn thiện cảng cá Tiên Châu, xây dựng bến cá Nhơn Hội (An Hòa), Mỹ Quang Nam (An Chấn) và Long Phú (An Cư). Xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền tại Cảng cá Tiên Châu (An Ninh Tây), Lễ Thịnh (An Ninh Đông), Tân Quy (An Hải); nạo vét luồng lạch ra vào cho tàu thuyền ở các bến cá, khu neo đậu. Xây dựng chợ đầu mối thủy sản tại Tiên Châu. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất làng cá Phú Hội (An Ninh Đông), Mỹ Quang (An Chấn). Sắp xếp lại cơ cấu dân cư vùng biển.

b) Nông nghiệp:

Thực hiện hiệu quả tái cơ cấu phát triển ngành nông nghiệp. Hình thành các vùng chuyên canh tập trung, gắn với công nghệ sau thu hoạch, công nghiệp chế biến và nhu cầu thị trường.

- Trồng trọt: Tập trung phát triển một số cây trồng chủ yếu sau:

+ Cây lúa: Đầu tư thâm canh diện tích lúa nước hiện có, chuyển đổi một số diện tích lúa một vụ bắp bênh, kém hiệu quả sang trồng rau, rau sạch, hoa cây cảnh và các loại cây trồng khác hiệu quả cao hơn. Ổn định diện tích trồng đến năm 2020 khoảng 7.000 ha. Phân đấu đưa năng suất bình quân đạt trên 57,5 tạ/ha.

+ Cây ngô: Tập trung tối đa đất nương rẫy, đất màu ven sông để trồng ngô, phát triển diện tích trồng đến năm 2020 đạt khoảng 800 ha; năng suất trung bình: 40-45 tạ/ha.

+ Rau, đậu các loại: Mở rộng diện tích trồng rau sạch, chuyển đổi diện tích lúa 1 vụ bắp bênh sang trồng rau sạch. Phân đấu diện tích đến năm 2020 đạt từ 3.000 - 3.050 ha.

+ Hoa và cây cảnh: Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư triển khai xây dựng vùng sản xuất hoa cây cảnh xuất khẩu tại An Chấn.

+ Cây mía: Ổn định diện tích trồng đến năm 2020 là 1.600 ha; nghiên cứu thay thế giống mía cũ bằng các giống mới có năng suất, chất lượng cao, khả năng chống chịu sâu bệnh và hạn hán tốt, kết hợp với ứng dụng các mô hình thâm canh phù hợp nhằm đưa năng suất đạt 68 -70 tấn/ha vào năm 2020.

+ Cây bông vải: Được trồng luân canh với các cây khác. Diện tích đến năm 2020 là 200 ha, năng suất 25 tạ/ha, sản lượng 500 tấn.

+ Cây ăn quả: Cải tạo vườn tạp, vườn đồi, phát triển các trang trại trồng cây ăn quả như dứa xiêm, xoài, chuối, mít, đu đủ, thanh long, ổi, dứa... Diện tích đến năm 2020 là 1.820 ha.

- Chăn nuôi: Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo phương pháp an toàn sinh học, chăn nuôi có chuồng trại. Khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại, gia trại. Tăng cường công tác khuyến nông, hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, thú y cho người dân.

+ Đàn bò: Phát triển quy mô đàn đến năm 2015 khoảng 34.500 con, năm 2020 đạt 36.000 con, trong đó: tỷ lệ bò lai trên 75% tổng đàn.

+ Đàn lợn: phát triển đàn heo đến năm 2015 đạt khoảng 15.000 con và năm 2020 đạt 20.000 con.

+ Đàn gia cầm: Tổng đàn gia cầm đến năm 2015 đạt 280.000 con; năm 2020 trên 295.000 con.

c) Lâm nghiệp:

- Đẩy nhanh tốc độ trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Phân đấu bình quân mỗi năm trồng mới 300-350 ha rừng tập trung và 200 nghìn cây phân tán. Chú trọng phát triển rừng phòng hộ; rừng cảnh quan ven biển; khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển rừng sản xuất, mở rộng diện tích trồng rừng, tạo vùng nguyên liệu ổn định để cung cấp cho các nhà máy chế biến sản phẩm từ gỗ.

- Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển 3 loại rừng (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất). Ngăn chặn triệt để nạn phá, đốt rừng làm nương rẫy, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và hợp lý tài nguyên rừng. Kiện toàn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các lực lượng kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng. Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; phối hợp với các đoàn thể quần chúng, các tổ chức kinh tế để vận động mọi thành phần cùng tham gia bảo vệ và phát triển rừng.

d) Xây dựng nông thôn mới:

Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Phân đấu đến năm 2015, có 02 xã đạt xã chuẩn nông thôn mới (An Cư, An Mỹ) và đến năm 2020 có trên 60% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới, đến năm 2030, cơ bản xây dựng hoàn thành 100% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới.

e) Phát triển kinh tế trang trại:

Tạo điều kiện thuận lợi về vốn, kỹ thuật, giống, thị trường tiêu thụ... cho các trang trại hiện có để nâng cao hiệu quả sản xuất. Tiếp tục hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển các trang trại đa ngành nghề tại các khu vực có điều kiện thuận lợi.

2. Công nghiệp - xây dựng

Phát triển công nghiệp - xây dựng với tốc độ cao để thúc đẩy kinh tế huyện phát triển. Tập trung phát triển các ngành có lợi thế về nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, gắn với bảo vệ môi trường. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp gắn với thu hút kêu gọi đầu tư. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2020: 14,6%/năm, trong đó giai đoạn 2011-2015: 13%/năm và giai đoạn 2016-2020: 16,3%/năm.

a) Phát triển các ngành và sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

- Chế biến nông, lâm, thủy sản: Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến hải sản khô xuất khẩu; chế biến nước mắm; sấy sản phẩm khô từ trái cây; chế biến gỗ mỹ nghệ, ván dăm; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm; chế biến phân bón vi sinh; mùn cao su... với quy mô hợp lý gắn với quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định và bảo vệ môi trường.

- Khai thác, chế biến khoáng sản và vật liệu xây dựng: Phát triển theo hướng tập trung, bền vững. Tiếp tục tạo điều kiện để các nhà máy khai thác chế biến khoáng sản và vật liệu xây dựng phát huy công suất, nâng cao hiệu quả hoạt động. Tăng cường xúc tiến kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư các nhà máy khai thác và chế biến Diatomit, vật liệu xây dựng không nung. Tiến hành khảo sát, khoanh vùng các bãi cát ven sông Cái và đầu tư khai thác hiệu quả.

- Cơ khí, điện tử, điện dân dụng: Tạo điều kiện thuận lợi để nhà máy sản xuất ô tô JRD phát huy hiệu quả hoạt động. Khuyến khích đầu tư nhà máy đóng và sửa chữa tàu thuyền; nhà máy sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp: Máy canh tác, máy chế biến lương thực, thực phẩm, máy bơm nước...

- Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống: Hỗ trợ và tạo điều kiện để các ngành nghề truyền thống tiếp tục phát triển: Chế biến nước mắm và cá cơm khô xuất khẩu (An Chấn, An Hòa), bánh tráng Hòa Đa (An Mỹ), dệt chiếu cói Phú Tân (An Cư), mây tre lá (An Ninh Tây, An Thạch...), đan thúng chai (An Dân, An Định), gốm mỹ nghệ Quảng Đức (An Thạch)...

b) Tổ chức không gian sản xuất công nghiệp, TTCN:

Chủ động huy động các nguồn lực để đẩy nhanh đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp, coi đây là một trong những khâu quan trọng để thu hút đầu tư.

- Giai đoạn đến năm 2020: Đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng và tăng cường thu hút đầu tư lấp đầy cụm công nghiệp Tam Giang; thành lập và đầu tư xây dựng mới kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Tiên Châu.

- Giai đoạn sau 2020: Thành lập và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Trung Lương (xã An Nghiệp), cụm công nghiệp Phong Phú (xã An Hiệp).

c) Phát triển ngành xây dựng:

Hình thành các doanh nghiệp hoạt động xây dựng có năng lực về tài chính và trình độ chuyên môn, đảm bảo năng lực để triển khai các công trình dự án trên địa bàn. Quản lý chặt chẽ và khai thác hiệu quả các mỏ vật liệu xây dựng: mỏ đá Kim Sơn, dốc Súc (An Thọ); mỏ đá và vật liệu xây dựng An Chấn, An Mỹ, mỏ đá An Nghiệp...

3. Các ngành dịch vụ

Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiệu quả, chất lượng và bền vững, đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2020: 20,5%/năm, trong đó: giai đoạn 2011-2015: 20,8%/năm; giai đoạn 2016-2020: 20,3%/năm.

a) Thương mại:

Đa dạng hóa phát triển các hoạt động thương mại. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động thương mại. Phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội tăng bình quân 18,5 - 19%/năm. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường; đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại, sắp xếp lại hệ thống chợ, hệ thống các cửa hàng xăng dầu cho phù hợp với kinh tế xã hội tại từng địa phương. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị tại khu vực thị trấn Chí Thạnh và các trung tâm cụm xã.

b) Du lịch:

Khai thác các danh lam thắng cảnh, các di tích lịch sử, văn hóa để phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch biển - đảo, du lịch tâm linh. Từng bước xây dựng Tuy An trở thành một trong những tâm điểm phát triển du lịch của vùng phía Bắc tỉnh, trung tâm nghỉ mát vùng ven biển. Phấn đấu số lượng du khách đến huyện tăng bình quân 20 - 30%/năm.

Phối hợp với các sở, ban, ngành của Tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư xây dựng hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các khu du lịch: Bãi Xếp - Hòn Chùa (An Chấn); Gành Đá Đĩa - Gành Đèn; rừng dương Thành Lâu và khu ẩm thực đầm Ô Loan; Lao Mái Nhà - Phước Đồng (An Hải)...

c) Dịch vụ:

Phát triển nhanh, đồng bộ và chất lượng các dịch vụ: dịch vụ vận tải, dịch vụ tài chính, dịch vụ hỗ trợ nông ngư nghiệp, dịch vụ cung ứng sửa chữa, bảo hiểm, tín dụng nhân dân, dịch vụ Internet, dịch vụ thông tin, tư vấn, đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật, giới thiệu việc làm...

4. Các lĩnh vực xã hội

a) Dân số, lao động, giải quyết việc làm và giảm nghèo:

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, tiếp tục phát triển các mô hình câu lạc bộ gia đình văn hóa, gia đình bền vững, gia đình không có người sinh con thứ ba, duy trì ổn định tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%/năm. Quan tâm nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe, giáo dục trẻ em. Chú trọng công tác tạo việc làm, nâng cao chất lượng việc làm và thu nhập cho người dân, phát triển các trung tâm dịch vụ việc làm, phấn đấu bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 4.000 - 4.200 lao động. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp. Thực hiện hiệu quả chính sách giảm nghèo, bình quân hàng năm tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2 - 2,5%, ngăn chặn tái nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của các hộ thoát nghèo.

b) Giáo dục - đào tạo:

Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo. Huy động tối đa học sinh trong độ tuổi đến trường, hạn chế tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng. Giữ vững và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS, thực hiện phổ cập giáo dục THPT. Tăng cường bồi dưỡng nâng cao trình độ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn; đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học theo hướng đạt chuẩn quốc gia, đến năm 2020 tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt trên 80%. Phát triển hệ thống các trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, xây dựng và phát triển hội khuyến học cơ sở.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân để tạo thuận lợi tìm kiếm việc làm. Huy động các nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trung tâm dạy nghề huyện. Khuyến khích phát triển các cơ sở đào tạo nghề trong các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp trên địa bàn.

c) Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Đa dạng hóa các loại hình khám chữa bệnh, nâng cao chất lượng phục vụ cho người dân; chú trọng phát triển y tế công, y tế cộng đồng. Xây dựng và phát triển các cơ sở khám chữa bệnh hợp lý, đảm bảo cho người dân được tiếp cận một cách thuận lợi các dịch vụ y tế có chất lượng. Phấn đấu đến năm 2015 có 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế. Tăng tỷ lệ giường bệnh/vạn dân năm 2015: 18,5 giường và năm 2020: 25 giường. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 12% năm 2015 và dưới 8% năm 2020. Mở rộng bảo hiểm y tế tự nguyện, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2020.

d) Văn hóa, thông tin và thể dục thể thao:

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ V Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Đẩy mạnh xây dựng đời sống văn hóa quần chúng, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Phấn đấu đến năm 2020 có 98% hộ gia đình; 85% thôn; 70% xã, thị trấn; 100% cơ quan đạt danh hiệu văn hóa. Tăng cường đầu tư cải tạo mạng lưới thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở. Tiếp tục xây dựng bảo tồn và phát triển các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, nhất là các di tích lịch sử cấp quốc gia: Địa đạo gò Thi Thùng (An Xuân), Mộ và đền thờ Lê Thành Phương (An Hiệp), Thành cổ An Thổ (An Dân) và nơi sinh đồng chí Trần Phú tổng bí thư đầu tiên của Đảng; Gành đá Đĩa, Đầm Ô Loan...

Đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống đài phát thanh - truyền hình huyện, xã, thị trấn; chú trọng nâng cao chất lượng phát sóng các chương trình, chuyển tải kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước đến nhân dân. Phát triển hệ thống truyền hình cáp và các dịch vụ truyền hình khác để phục vụ nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của nhân dân.

Mở rộng và phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, thể thao học đường. Tuyên truyền, vận động nhân dân rèn luyện sức khỏe. Huy động số người luyện tập thể dục thể thao tăng bình quân 4 - 5%/năm. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho các công trình thể dục thể thao.

5. Phát triển khoa học và công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, quản lý và đời sống nhân dân, xây dựng Tuy An trở thành huyện có tiềm lực khoa học công nghệ đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Một số lĩnh vực khoa học công nghệ ưu tiên: công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ cơ khí. Đẩy mạnh việc chuyển giao công nghệ từ Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên để ứng dụng và phát triển sản xuất trên địa bàn huyện.

6. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

a) Giao thông - vận tải:

Phát triển hạ tầng giao thông vận tải đồng bộ, từng bước hiện đại đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng cao của nhân dân, đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt, kết nối tốt với các tuyến giao thông ngoại vùng.

- Đường bộ: Phối hợp với Trung ương, tỉnh đầu tư và nâng cấp các tuyến giao thông đoạn qua địa bàn: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam; quốc lộ 1; ĐT650; ĐT643; ĐT641; tuyến Bắc cầu An Hải đến Km1293+500 quốc lộ 1; tuyến đường

tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn qua các huyện, thành phố: Tây Hòa, Phú Hòa, TP Tuy Hòa, Tuy An (đoạn qua địa bàn huyện)... Chủ động huy động các nguồn lực tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường huyện, xã, đường đô thị, bê tông giao thông nông thôn.

- Đường sắt: Phối hợp, tạo điều kiện ngành đường sắt nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam (đoạn qua địa bàn huyện). Kiến nghị đầu tư nâng cấp ga Chí Thạnh và ga Hòa Đa.

- Đường thủy: Nghiên cứu xây dựng cảng hành khách phục vụ du lịch với quy mô phù hợp nối đất liền với hệ thống các đảo: Lao Mái Nhà, hòn Yến, hòn Chùa phục vụ phát triển du lịch biển đảo.

- Xây dựng mới bến xe trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn loại IV, bố trí quỹ đất hợp lý để xây dựng các bãi đỗ xe tại An Ninh Tây, An Ninh Đông, An Nghiệp, An Mỹ, An Chấn, An Hải, An Lĩnh, An Định. Phối hợp tăng cường kêu gọi đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ kỹ thuật tổng hợp giao thông vận tải tỉnh Phú Yên tại An Mỹ.

b) Thủy lợi, đê biển:

Thường xuyên sửa chữa, duy tu các công trình thủy lợi, kiên cố hóa hệ thống kênh mương nội đồng để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đầu tư hoàn thiện hệ thống kênh mương hồ chứa nước Đồng Tròn, nâng cấp hồ Bầu Đô (An Xuân); nâng cấp hệ thống kênh mương Phú Vang (An Chấn, An Mỹ); các trạm bơm tại các xã (An Dân, An Định, An Nghiệp, An Mỹ, An Cư, An Ninh Tây)... Đầu tư kết cấu hạ tầng thủy lợi các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung như hạ lưu sông Cái và đầm Ô Loan. Xây dựng kè sông Cái tại một số khu vực có nguy cơ sạt lở cao: thôn Hội Tín, Quảng Đức, Hà Yến (An Thạch); thôn Long Mỹ, Long Uyên (An Dân); điểm dân cư ven sông của thị trấn Chí Thạnh; Bình Thạnh, Tiên Châu (An Ninh Tây).

Phối hợp với Tỉnh sớm triển khai đầu tư xây dựng hệ thống kè biển An Chấn (xã An Chấn); kè biển An Hòa (xã An Hòa); kè biển Lễ Thịnh (xã An Ninh Đông); kè biển Tiên Châu (xã An Ninh Tây).

c) Cấp điện: Phối hợp với ngành điện tiếp tục đầu tư nâng cấp và mở rộng mạng lưới điện đến các khu vực chưa có điện đảm bảo cung cấp điện đầy đủ và chất lượng điện cho sản xuất và đời sống. Từng bước đầu tư ngầm hóa lưới điện thị trấn Chí Thạnh và trung tâm các cụm xã.

d) Cấp, thoát nước:

- Cấp nước: Đầu tư nâng công suất nhà máy nước Chí Thạnh lên 10.000 m³/ngày đêm; tiếp tục xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung tại các xã. Phấn đấu đến năm 2020 có trên 99% hộ dân đô thị sử dụng hệ thống nước máy, 100% dân số nông thôn được dùng nước sạch và nước hợp vệ sinh.

- Thoát nước: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải tại thị trấn Chí Thạnh và các đô thị mới dự kiến phát triển. Tại các điểm dân cư nông thôn xây dựng hệ thống thoát nước chung và từng bước thực hiện cứng hóa và thay thế mương hở bằng cống ngầm. Quan tâm hỗ trợ xây dựng các trạm xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp, các cơ sở y tế, chợ, cơ sở sản xuất công nghiệp, các hộ gia đình... đảm bảo các chất thải độc hại được xử lý theo quy định trước khi thải ra môi trường.

e) Bưu chính viễn thông: Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng bưu chính viễn thông đồng bộ, hiện đại, công nghệ tiên tiến đảm bảo thông tin thông suốt, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển bưu chính viễn thông. Nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính viễn thông tại các bưu điện văn hóa xã kết hợp phát triển các dịch vụ mới: dịch vụ tiết kiệm bưu điện, dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ trả lương hưu, các dịch vụ viễn thông... để phục vụ tốt hơn nhu cầu nhân dân.

f) Hệ thống xử lý chất thải: Đầu tư xây dựng bãi rác tập trung của huyện tại khu vực thôn Long Bình, quy mô khoảng 15ha. Nghiên cứu xây mới bãi rác tập trung khu vực các xã phía Nam tại An Mỹ, quy mô 10 ha. Hình thành các trạm trung chuyển thu gom rác sơ cấp tại các thị tứ, trung tâm cụm xã, các cụm dân cư.

7. Quốc phòng - an ninh

Thường xuyên củng cố và tăng cường tiềm lực quốc phòng, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội và củng cố quốc phòng an ninh; xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ liên hoàn, vững chắc, đủ sức đánh bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch. Tăng cường xây dựng và củng cố phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, xây dựng thể trận an ninh nhân dân ngày càng sâu rộng. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt nghị quyết 09/CP của Chính phủ về phòng chống tội phạm trong tình hình mới.

V. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Định hướng sử dụng đất

Sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật; hạn chế thấp nhất việc chuyển đất lúa nước 2 vụ sang mục đích khác theo chỉ đạo của Trung ương. Khai thác sử dụng đất phải gắn liền với bồi bổ, tái tạo, làm tăng độ phì cho đất, chống suy thoái, ô nhiễm môi trường đất. Cơ cấu sử dụng đất đến năm 2020: Đất nông nghiệp, chiếm 72%; đất phi nông nghiệp chiếm 19,8%; đất chưa sử dụng chiếm 8,2% tổng diện tích tự nhiên.

2. Định hướng phát triển hệ thống đô thị và các thị tứ

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng thị trấn Chí Thạnh đạt đô thị loại IV; đầu tư phát triển xã An Mỹ thành thị trấn – đô thị loại V trước năm 2020; đầu tư phát triển các trung tâm cụm xã An Ninh Tây; An Nghiệp; An Cư; An Hải. Nghiên cứu lập quy hoạch và chuẩn bị điều kiện để đầu tư phát triển đô thị tiêu vùng Đầm Ô Loan.

3. Định hướng điều chỉnh đơn vị hành chính

Khi huyện Vân Hòa được thành lập, 3 xã An Thọ, An Lĩnh, An Xuân sẽ chuyển về đơn vị mới. Huyện Tuy An sẽ còn lại 12 xã và thị trấn. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội tạo nền tảng để phát triển thành thị xã.

VI. TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, phát triển kinh tế theo chiều sâu, phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm cao hơn bình quân chung của Tỉnh, tập trung phát triển mạnh các ngành công nghiệp, Dịch vụ - Du lịch với hàm lượng khoa học công nghệ ngày càng lớn trong giá trị sản phẩm. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đến năm 2030, lao động nông nghiệp chỉ còn 20-25%.

- Đầu tư hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị; phát triển Tuy An thành thị xã - đô thị loại IV vào trước năm 2025. Tăng cường liên kết, hợp tác phát triển với các địa phương lân cận.

VII. CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN, CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Các chương trình phát triển

Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình: giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng nông thôn mới; giải quyết việc làm và giảm nghèo; phát triển đô thị; đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi; phát triển công nghiệp - TTCN; thương mại - du lịch - dịch vụ; nông nghiệp - nông thôn; trồng, bảo vệ rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân; dân số - Kế hoạch hóa gia đình; phát triển hệ thống lưới điện; phát triển thông tin liên lạc và phát thanh truyền hình; phát triển miền núi, hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã nghèo vùng bãi ngang đặc biệt khó khăn ven biển; phát triển Du lịch - Dịch vụ; phát triển khoa học, công nghệ.

2. Danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư: (có phụ lục kèm theo).

VIII. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp huy động vốn đầu tư

Nhu cầu vốn đầu tư phát triển kinh tế xã hội Tuy An giai đoạn đến năm 2020 ước khoảng 20.620 tỷ đồng (khoảng 980 triệu USD), bình quân mỗi năm đầu

tư 2.060 tỷ đồng (98 triệu USD). Trong đó: Ngân sách nhà nước: 16,8% và vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, vốn trong dân: 83,2% tổng vốn đầu tư.

- Vốn ngân sách nhà nước: Tập trung chủ yếu cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, những lĩnh vực mà tư nhân không đầu tư. Tranh thủ sự hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh, Trung ương; quản lý tốt việc thu, chi ngân sách trên địa bàn huyện. Thực hành triệt để tiết kiệm để sử dụng hiệu quả và tăng tỷ lệ tích lũy đầu tư từ ngân sách huyện; tránh việc đầu tư dàn trải.

- Vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, vốn trong dân: Xây dựng và công bố danh mục các dự án kêu gọi đầu tư đến các thành phần kinh tế. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai dự án. Chủ động phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của huyện. Đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực văn hóa – xã hội.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và bố trí sử dụng cán bộ nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, cán bộ khoa học công nghệ. Tạo điều kiện để cán bộ trẻ được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Đẩy mạnh đào tạo nghề và tạo việc làm cho người lao động. Thực hiện chuyển đổi ngành nghề cho lao động nông thôn, nhất là các xã bãi ngang ven biển. Đẩy mạnh đầu tư hơn nữa cho công tác giáo dục, đào tạo. Có chính sách ưu đãi, thu hút đặc biệt đối với đội ngũ chuyên gia, trí thức có trình độ chuyên môn cao về làm việc tại huyện. Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng trong các ngành, lĩnh vực để đáp ứng nhu cầu hội nhập.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong tất cả các lĩnh vực sản xuất và đời sống. Khuyến khích, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển và tham gia hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác “bốn nhà” (nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà nông) trong sản xuất nông nghiệp. Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ cho nhân dân.

- Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư, xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước các cấp

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình cải cách hành chính, đơn giản hóa các thủ tục có liên quan đến thuê đất, cấp phép xây dựng, vay vốn, thế chấp tài sản... Nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ trong thực thi công vụ. Tăng cường đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý nhà nước các cấp.

5. Liên kết hợp tác với các địa phương trong và ngoài tỉnh

Củng cố và phát triển các mối quan hệ hợp tác, liên kết giữa Tuy An với các huyện, thị xã, thành phố trong và ngoài tỉnh trên các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; phát triển du lịch; đầu tư xây dựng các tuyến giao thông liên huyện, kêu gọi, xúc tiến đầu tư, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Phối hợp với các sở, ban, ngành của Tỉnh thực hiện tốt các chương trình hợp tác mà Phú Yên đã ký kết với các tỉnh duyên hải miền Trung, Tây Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. UBND huyện Tuy An: Chịu trách nhiệm tổ chức công bố Quy hoạch sau khi phê duyệt và vận động nhân dân tham gia thực hiện Quy hoạch; Chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND Tỉnh xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể để tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch; cụ thể hóa quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, thường xuyên cập nhật, hiệu chỉnh bổ sung quy hoạch phù hợp với thực tế của địa phương.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan: Theo từng chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với UBND huyện Tuy An triển thực hiện hiệu quả Quy hoạch này.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và UBND huyện Tuy An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

Phụ lục**DANH MỤC CÁC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1100/QĐ- UBND ngày 15/7/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

1. Các dự án về sản xuất kinh doanh*** Lĩnh vực Nông - Lâm - Thủy sản**

- Dự án phát triển cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả: Quy mô 800-1.000 ha.

- Dự án phát triển vùng trồng cây cao su 300-350 ha tại các xã miền núi.

- Dự án đầu tư xây dựng vùng sản xuất rau an toàn: Quy mô 120-150 ha.

- Dự án nuôi tôm cao triều: quy mô 50 ha.

- Dự án phát triển làng nghề chiếu cói Phú Tân; mây tre lá An Ninh Tây, An Thạch và đan thúng chai An Dân.

- Dự án đầu tư phát triển làng nghề chế biến thủy sản, sản xuất bánh tráng.

- Dự án xây dựng trại tôm giống An Hải: Quy mô 1-2 triệu con.

- Dự án nuôi cá cao sản nước ngọt, nước mặn lợ. Quy mô 50 ha.

- Dự án phát triển kinh tế trang trại tập trung.

- Dự án cải tạo và phát triển đàn bò, đàn lợn.

- Dự án phát triển hoa cây cảnh xuất khẩu An Chấn.

- Dự án trồng rừng nguyên liệu và rừng ven biển: Quy mô 4.000 ha.

*** Lĩnh vực các dự án về CN-TTCN**

- Dự án xây dựng nhà máy bột trợ lọc từ Diatomit.

- Dự án xây dựng nhà máy sản xuất tấm lọc từ Diatomit.

- Dự án xây dựng cơ sở sơ chế bông.

- Dự án nâng cấp nhà máy chế biến hạt điều Tam Giang.

- Dự án xây dựng nhà máy khai thác và chế biến đá xây dựng, đá mỹ nghệ.

- Dự án xây dựng nhà máy chuối ép, sấy khô chuối, mít, nước quả.

- Dự án xây dựng nhà máy chế biến phân vi sinh.

- Dự án xây dựng nhà máy sản xuất linh kiện phụ tùng ô tô An Mỹ.

- Dự án nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn.

- Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất gạch không nung, Ceramit.

- Dự án khôi phục làng nghề gốm mỹ nghệ An Thạch.

*** Lĩnh vực Du lịch-dịch vụ**

- Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Bãi Xếp - hòn Chùa.

- Dự án khu du lịch sinh thái rừng dương Thành Lầu.

- Dự án khu du lịch cao cấp gành Đá Đĩa - gành Đèn.

- Dự án khu du lịch Phước Đồng-lao Mái nhà.

- Dự án khu du lịch đầm Ô Loan.

- Dự án xây dựng nhà hàng khách sạn, nhà hàng ẩm thực Ô Loan.

- Dự án nâng cấp chợ Chí Thạnh, chợ An Mỹ.

2. Các dự án về đầu tư cơ sở hạ tầng*** Dự án phát triển đô thị**

- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị Chí Thạnh.

- Dự án xây dựng khu dân cư Hòn Chồng (Thị trấn Chí Thạnh).
- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị An Mỹ.
- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị Ô Loan.
- Dự án đầu tư cấp nước đô thị.

*** Giao thông**

- Dự án nâng cấp đường Hòn Đồn đi ĐT643: dài 32 km.
- Dự án nâng cấp các tuyến tỉnh lộ ĐT643, ĐT641, ĐT650, đường ven biển.
- Dự án nhựa hóa hoặc bê tông hóa các tuyến đường huyện: dài 72 km.
- Dự án bê tông hóa các tuyến đường xã: quy mô 58 km.
- Dự án đầu tư các tuyến đường vào các khu du lịch, di tích lịch sử, cầu Long Phú đi Phú Sơn, hệ thống giao thông nông thôn: quy mô 180 km.
- Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường TP Tuy Hòa đi An Thọ: Quy mô 13km.
- Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp tuyến đường từ Bắc cầu An Hải đến QL1 (Km 1293+500).
- Dự án xây dựng bến xe huyện và nâng cấp bến xe các xã.
- Dự án xây dựng bến tàu phục vụ du lịch ra các đảo và đầm Ô Loan.
- Dự án xây dựng cầu Tiên Châu: Quy mô dài 300m.
- DA xây dựng Trung tâm DVKTTH giao thông vận tải Phú Yên tại An Mỹ.
- Dự án Nâng cấp đường sắt TN và Quốc lộ 1A trên địa bàn huyện.

*** Thủy Lợi**

- Dự án xây dựng hồ Đồng Dài (Chí Thạnh): quy mô tưới 150 ha.
- Dự án nâng cấp hồ Bàu Đô, Suối Bướm, Suối Lưu, Bà Mẫu: quy mô tưới 60 ha.
- Dự án xây dựng kè chống sạt lở, triều cường, ngăn mặn: dài 20 km.
- Dự án xây dựng mới và nâng cấp các trạm bơm điện: quy mô tưới 500ha.
- Dự án kiên cố hóa kênh mương, đập tràn toàn huyện: quy mô dài 173 km.
- Dự án nghiên cứu mở rộng vùng tưới đập Tam Giang: quy mô 300 ha.

*** Công nghiệp – TTCN**

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng các Cụm công nghiệp: Tam Giang (An Cư), Tiên Châu (An Ninh Tây); Trung Lương (xã An Nghiệp), Phong Phú (xã An Hiệp).
- Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng các làng nghề: Chiếu cói Phú Tân, bánh tráng Hòa Đa, nước mắm và hải sản khô Mỹ Quang, Nhơn Hội, gốm sư Quảng Đức, mây tre đan An Ninh Tây, An Thạch, thùng chai An Dân, An Định...

*** Ngành điện**

- Dự án cải tạo nâng cấp lưới điện toàn huyện.

*** Kết cấu hạ tầng Y tế**

- Dự án đầu tư nâng cấp hiện đại hóa Bệnh viện huyện: quy mô 150-180 giường bệnh, xây dựng Trung tâm y tế dự phòng huyện, nâng cấp các trạm y tế xã.

*** Kết cấu hạ tầng giáo dục-đào tạo**

- Dự án đầu tư kiên cố hóa trường lớp, tăng cường trang thiết bị dạy và học.
- Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp huyện.
- Dự án đầu tư xây dựng Trường dạy nghề huyện.
- Dự án xây dựng trường chuẩn quốc gia các cấp học.

*** Kết cấu hạ tầng Văn hóa- TDTT**

- Dự án đầu tư hiện đại trung tâm văn hóa thể thao huyện.
- Dự án đầu tư trung tâm văn hóa thể thao các xã, thị trấn.
- Dự án tôn tạo các di tích được xếp hạng.

*** Công trình phòng thủ, An ninh- Quốc phòng**

- Dự án các tuyến đường phòng thủ ven biển.
- Dự án đầu tư các công trình phòng thủ cấp huyện, thao trường tổng hợp.
- Dự án nâng cấp cải tạo hệ thống thông tin liên lạc.

*** Kết cấu hạ tầng cấp thoát nước, xử lý rác thải**

- Dự án nâng công suất NM nước Chí Thạnh. Quy mô 10.000 m³ ngày đêm.
- Dự án xây dựng nhà máy nước Bình Thạnh, Phong Niên: Quy mô 1500-2000m³ ngày đêm/1 Nhà máy.
- Dự án đầu tư hệ thống cấp nước sạch nông thôn.
- Dự án xây dựng bãi rác thị trấn Chí Thạnh, An Mỹ: quy mô 10-15 ha/bãi.

*** Kết cấu hạ tầng Nông-Lâm-Ngư nghiệp**

- Dự án xây dựng, nâng cấp bến cá Long Phú, Nhơn Hội, Mỹ Quang.
- Dự án xây dựng các khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu thuyền.
- Dự án đầu tư xây dựng các khu giết mổ gia súc tập trung.
- Dự án đầu tư CSHT cho 3 xã miền núi và 8 xã bãi ngang ĐBKK.
- Dự án hoàn chỉnh hệ thống kênh mương hồ chứa nước Đồng Tròn.
- Dự án CSHT phục vụ nuôi hải sản lồng bè trên biển, đầm Ô Loan.

*** Kết cấu hạ tầng ngành Thương mại- dịch vụ- du lịch**

- Dự án xây dựng hạ tầng phục vụ phát triển du lịch.
- Dự án nâng cấp tu bổ địa đạo Gò Thì Thùng, đền Lê Thành Phương, thành cổ An Thổ, bia tưởng niệm Ngân Sơn- Chí Thạnh, chùa Đá Trắng, sân đua ngựa.
- Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống chợ nông thôn.
- Dự án xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị Chí Thạnh và An Mỹ.
- Dự án xây dựng hạ tầng chợ đầu mối thủy sản: Tiên Châu, Ô Loan.
- Dự án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Du lịch.

Ghi chú: về vị trí, quy mô diện tích chiếm đất và tổng mức đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.